



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh báo cáo tài chính độc lập đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Tổng số 112 trang

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 33

Chung tay vì Cộng đồng tri thức và sự phát triển bền vững

• Công ty Văn phòng Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh

• Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương

• Công ty thành lập Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh - 22 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

• Công ty thành lập Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Đại diện pháp luật) - Ông Nguyễn Văn Khoa, 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

• Công ty thành lập Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Đại diện pháp luật) - Ông Nguyễn Văn Khoa, 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0312345678

Ngày lập báo cáo tài chính: 31/12/2017

Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương

• Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

• Điện thoại: (84) 028 3554 043 - 3554 3118

• Fax: (84) 028 3554 317

• Website: www.vtc.edu.vn

Ngày lập báo cáo tài chính: 31/12/2017

• Các nội dung chi tiết các chỉ số tài chính, kinh tế và các chỉ số khác

• Báo cáo tài chính được lập theo các quy định của pháp luật về kế toán và các quy định khác có liên quan của Việt Nam và các quy định khác có liên quan của Việt Nam

• Mọi chi tiết xin liên hệ Văn phòng Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/10/2017 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Công ty có 1 Công ty con và 3 đơn vị trực thuộc:

- **Công ty con:** Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông
- **Các đơn vị trực thuộc:**
 - ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
 - ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương);
 - ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

Vốn điều lệ: 56.655.300.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2017: 56.655.300.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 028.8554 645 - 028.8553 118
- Fax: (84) 028.8564 307
- Website: www.stb.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 280 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 19 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|------------|----------------------------|
| • Ông Lê Huy | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 06/10/2017 |
| • Ông Trần Văn Hưng | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 11/11/2016 |
| | | Miễn nhiệm ngày 06/10/2017 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Ông Trần Lê Quang | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Bà Lê Thị Phương Hào | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Lê Phương Mai | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Ông Vũ Văn Hà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Bà Nguyễn Thị Nhớ | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Từ Trung Đan | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 11/11/2016 |
| • Ông Phan Xuân Hiến | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| • Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 218/2018/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12/03/2018, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

T.N.H.H

KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN

AAC

ĐÀ NẴNG

Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Trần Vũ Nguyên Hà – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2333-2018-010-1

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

Trang 4

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		87.564.845.691	82.973.941.274
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	12.777.167.454	12.561.415.700
1. Tiền	111		2.655.176.221	4.418.661.863
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.121.991.233	8.142.753.837
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.184.627.968	32.219.468.850
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	33.320.268.116	32.016.610.345
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.000.623.370	130.351.416
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	59.151.615	109.507.089
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(195.415.133)	(37.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	11	40.226.646.849	37.575.148.672
1. Hàng tồn kho	141		41.513.558.244	38.071.373.938
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.286.911.395)	(496.225.266)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		376.403.420	617.908.052
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17.a	264.597.507	365.025.297
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	111.805.913	252.882.755
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		54.307.285.536	55.755.499.421
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.000.000	36.256.950
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	36.256.950
2. Phải thu dài hạn khác	216		11.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		31.210.145.065	33.654.459.654
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	31.196.950.614	33.631.265.207
- Nguyên giá	222		52.471.107.384	51.503.957.806
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.274.156.770)	(17.872.692.599)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	13.194.451	23.194.447
- Nguyên giá	228		30.000.000	30.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.805.549)	(6.805.553)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	7.573.246.079	7.843.563.443
- Nguyên giá	231		7.974.362.168	7.974.362.168
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(401.116.089)	(130.798.725)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.758.181.819	2.812.727.274
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	2.758.181.819	2.812.727.274
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	3.250.000.000	3.250.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.760.000.000	2.760.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		490.000.000	490.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.504.712.573	8.158.492.100
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17.b	9.504.712.573	8.158.492.100
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		141.872.131.227	138.729.440.695

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		36.025.449.914	35.375.891.123
I. Nợ ngắn hạn	310		36.025.449.914	35.375.891.123
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	18.982.618.615	16.365.952.174
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		641.445.239	181.072.224
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	562.266.879	336.374.444
4. Phải trả người lao động	314		9.441.796.433	2.338.472.901
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	2.478.236.707	1.816.525.444
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	477.967.557	271.517.557
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	9.547.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.441.118.484	4.518.976.379
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		105.846.681.313	103.353.549.572
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	105.846.681.313	103.353.549.572
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	13.761.696.224	13.761.696.224
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	22	6.476.325.962	5.732.773.462
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	21.588.170.127	18.543.624.132
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	7.365.189.000	8.660.155.754
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		641.358.539	246.317.820
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.723.830.461	8.413.837.934
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		141.872.131.227	138.729.440.695



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

Kế toán trưởng

Huyền Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	24	355.453.217.727	320.585.389.022
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	3.597.807.073	4.170.828.623
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		351.855.410.654	316.414.560.399
4. Giá vốn hàng bán	11	26	273.069.967.193	249.025.572.778
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>78.785.443.461</u>	<u>67.388.987.621</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	884.158.457	683.849.732
7. Chi phí tài chính	22	28	2.089.699.109	3.391.913.102
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		783.864.258	1.719.230.820
8. Chi phí bán hàng	25	29.a	34.804.987.268	28.272.585.878
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29.b	27.402.724.172	21.553.167.810
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>15.372.191.369</u>	<u>14.855.170.563</u>
11. Thu nhập khác	31	30	149.337.143	169.363.032
12. Chi phí khác	32	31	426.070.579	134.402.404
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(276.733.436)</u>	<u>34.960.628</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>15.095.457.933</u>	<u>14.890.131.191</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	1.519.374.694	1.534.067.430
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>13.576.083.239</u>	<u>13.356.063.761</u>



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.095.457.933	14.890.131.191
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.895.135.362	3.533.722.935
- Các khoản dự phòng	03		949.101.262	252.839.485
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		65.308	(199.022)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(127.535.854)	(452.655.349)
- Chi phí lãi vay	06	28	783.864.258	1.719.230.820
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		20.596.088.269	19.943.070.060
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.065.761.429)	1.181.366.311
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	11	(3.442.184.306)	(5.413.956.343)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.495.191.231	6.356.303.068
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	17	(1.245.792.683)	419.814.865
- Tiền lãi vay đã trả	14		(783.864.258)	(1.720.062.163)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	20	(1.395.807.452)	(1.838.855.782)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		43.000.000	78.200.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.838.620.393)	(5.000.830.556)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.362.248.979	14.005.049.460
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(1.802.549.009)	(9.793.938.747)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	20.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(65.000.000)	(51.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		65.000.000	118.143.050
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.195.080.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		552.056.092	482.887.654
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.250.492.917)	(7.028.828.043)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		44.965.603.865	55.595.652.138
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(54.512.603.865)	(60.821.952.138)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.348.939.000)	(7.566.659.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.895.939.000)	(12.792.959.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		215.817.062	(5.816.737.583)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6	12.561.415.700	18.377.954.261
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(65.308)	199.022
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6	12.777.167.454	12.561.415.700



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

Kế toán trưởng

Huyền Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/10/2017 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xì mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 1 Công ty con và 3 đơn vị trực thuộc:

- Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông
- Các đơn vị trực thuộc:
 - ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương);
- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.
Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Đầu tư vào công ty con; công ty liên kết, và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty con là một doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mọi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 44
Máy móc, thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
** Phần mềm máy tính	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	29,5

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.15 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.18 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.19 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - ✚ Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với phần thu nhập của doanh nghiệp có được trong lĩnh vực xã hội hóa (Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học). Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh.
 - ✚ Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với các hoạt động khác.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Điều chỉnh hồi tố

Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính năm 2016 theo Quyết định số 186/KTNN-CNIII ngày 26/01/2018 của Kiểm toán Nhà nước. Kết quả điều chỉnh hồi tố như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	01/01/2017 Đã hồi tố	01/01/2017	Chênh lệch	Ghi chú
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(37.000.000)	(202.658.742)	165.658.742	(1)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(496.225.266)	(719.684.660)	223.459.394	(1)
Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	252.882.755	291.794.569	(38.911.814)	(3)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	2.812.727.274	2.763.636.365	49.090.909	(2)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	336.374.444	287.283.535	49.090.909	(3)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	8.413.837.934	8.063.631.612	350.206.322	(3)

BÁO CÁO KQHĐ KINH DOANH	Mã số	Năm 2016 Đã hồi tố	Năm 2016	Chênh lệch	Ghi chú
Giá vốn hàng bán	11	249.025.572.778	249.249.032.172	(223.459.394)	(1)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21.553.167.810	21.718.826.552	(165.658.742)	(1)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	14.890.131.191	14.501.013.055	389.118.136	(3)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.534.067.430	1.495.155.616	38.911.814	(3)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	13.356.063.761	13.005.857.439	350.206.322	(3)

- Điều chỉnh giảm trích lập dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2016 lần lượt là 165.658.742 đồng và 223.459.394 đồng, dẫn đến chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" giảm 165.658.742 đồng, chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" giảm 223.459.394 đồng;
- Điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với dự án đầu tư: 49.090.909 đồng dẫn đến khoản mục "Thuế và các khoản phải nộp nhà nước" và "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" cùng tăng lên một lượng tương ứng là 49.090.909 đồng;
- Tổng hợp điều chỉnh tại mục (1) làm cho chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" trên Báo cáo KQHĐKD tăng 389.118.136 đồng; Theo đó, chỉ tiêu "Chi phí thuế TNDN hiện hành" và khoản mục "Thuế và các khoản phải thu Nhà nước" (chi tiết: Thuế TNDN nộp thừa) cùng tăng lên và giảm đi một lượng: 38.911.814 đồng; Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế TNDN" trên Báo cáo KQHĐKD và khoản mục "LNST chưa phân phối kỳ này" trên Bảng CĐKT cùng tăng 350.206.322 đồng.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt	372.000.316	145.055.360
Tiền gửi ngân hàng	2.283.175.905	4.273.606.503
Các khoản tương đương tiền	10.121.991.233	8.142.753.837
Cộng	12.777.167.454	12.561.415.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh GD	636.033.471	1.459.664.333
Công ty CP Sách & TBTH Tiền Giang	998.543.546	460.145.654
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	247.611.196	226.855.349
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	545.406.867	395.771.099
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	592.280.549	-
Các đối tượng khác	30.300.392.487	29.474.173.910
Cộng	33.320.268.116	32.016.610.345

Trong đó: phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư	592.280.549	-
Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh GD	Chung công ty đầu tư	636.033.471	1.459.664.333
Công ty CP Sách và TB Bình Định	Chung công ty đầu tư	69.517.217	111.033.894
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	247.611.196	226.855.349
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	545.406.867	395.771.099
Công ty CP Sách & TBTH Tiền Giang	Chung công ty đầu tư	998.543.546	460.145.654
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư	25.521.536	270.297.213

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
JIANGXI PHENIX OPTICAL IM&EXP CO.,Ltd.	800.748.450	-
Các đối tượng khác	199.874.920	130.351.416
Cộng	1.000.623.370	130.351.416

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	58.829.225	-	21.320.098	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	5.000.000	-
Phải thu về thuế TNCN	322.390	-	2.791.650	-
Phải thu khác	-	-	80.395.341	-
Cộng	59.151.615	-	109.507.089	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2017	01/01/2017
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Trên 3 năm	(7.962.955)	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	(187.452.178)	(37.000.000)
Cộng	(195.415.133)	(37.000.000)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.036.863.227	(6.615.097)	7.145.285.040	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.832.548.843	(17.028.372)	2.647.759.383	-
Thành phẩm	10.264.078.632	(51.633.340)	9.872.349.705	(665.226)
Hàng hóa	20.380.067.542	(1.211.634.586)	18.405.979.810	(495.560.040)
Cộng	41.513.558.244	(1.286.911.395)	38.071.373.938	(496.225.266)

Giá trị hàng tồn kho chậm tiêu thụ tại 31/12/2017 là 1.624.621.775 đồng;

Tại thời điểm 31/12/2017 không có hàng tồn kho cầm cố, thế chấp các khoản vay.

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	35.481.486.149	9.631.585.287	5.451.917.909	938.968.461	51.503.957.806
Mua sắm trong kỳ	-	-	423.961.818	119.300.181	543.261.999
Đ/tư XDCH h/thành	1.063.013.825	-	-	-	1.063.013.825
Giảm khác	547.961.566	-	-	91.164.680	639.126.246
Số cuối kỳ	35.996.538.408	9.631.585.287	5.875.879.727	967.103.962	52.471.107.384
Khấu hao					
Số đầu kỳ	9.978.726.171	5.700.310.749	1.568.289.126	625.366.553	17.872.692.599
Khấu hao trong kỳ	1.308.816.252	1.298.951.107	860.137.384	146.913.259	3.614.818.002
T/lý, nhượng bán	122.189.151	-	-	91.164.680	213.353.831
Số cuối kỳ	11.165.353.272	6.999.261.856	2.428.426.510	681.115.132	21.274.156.770
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	25.502.759.978	3.931.274.538	3.883.628.783	313.601.908	33.631.265.207
Số cuối kỳ	24.831.185.136	2.632.323.431	3.447.453.217	285.988.830	31.196.950.614

Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2017;

Nguyên giá TSCĐ HH đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 4.501.351.007 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	30.000.000	30.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	30.000.000	30.000.000
Khấu hao		
Số đầu kỳ	6.805.553	6.805.553
Khấu hao trong kỳ	9.999.996	9.999.996
Số cuối kỳ	16.805.549	16.805.549
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	23.194.447	23.194.447
Số cuối kỳ	13.194.451	13.194.451

14. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	7.974.362.168	7.974.362.168
Đ/tư XDCh h/thành	-	-
Số cuối kỳ	7.974.362.168	7.974.362.168
Khấu hao lũy kế		
Số đầu kỳ	130.798.725	130.798.725
Khấu hao trong kỳ	270.317.364	270.317.364
Số cuối kỳ	401.116.089	401.116.089
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	7.843.563.443	7.843.563.443
Số đánh giá lại cuối kỳ	7.573.246.079	7.573.246.079

Bất động sản đầu tư là 1 phần của tòa nhà tại 780 Nguyễn Kiệm, sử dụng để cho Công ty CP Giáo dục An Đông (công ty con) thuê làm cơ sở dạy học.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017	01/01/2017
Công trình 223 Nguyễn Tri Phương	-	454.545.455
Công trình tại 104/5 Mai Thị Lựu	2.218.181.819	1.818.181.819
Xây dựng cơ sở giáo dục dạy nghề 122 Phan Văn Trị	540.000.000	540.000.000
Cộng	2.758.181.819	2.812.727.274

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

16. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017				01/01/2017				
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con					2.760.000.000	-	2.760.000.000	2.760.000.000	-
- Công ty CP Giáo dục An Đông	Đang hoạt động	52,77%	52,77%	276.000	2.760.000.000	-	276.000	2.760.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác					490.000.000	-	490.000.000	490.000.000	-
- Công ty CP DV XB Giáo dục Gia Định	Đang hoạt động	4,77%	4,77%	49.000	490.000.000	-	49.000	490.000.000	-
Cộng					3.250.000.000	-	3.250.000.000	3.250.000.000	-

- Công ty đã nhận được báo cáo tài chính năm 2017 của các công ty nhận đầu tư với vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

- Do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán; Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	93.227.865	70.219.093
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	171.369.642	294.806.204
Cộng	264.597.507	365.025.297

b. Dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	474.982.307	236.572.415
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương	1.306.798.263	83.883.609
Sửa chữa nhà xưởng Bình Dương	-	27.666.674
Sửa chữa 104/5 Mai Thị Lựu	260.511.688	37.408.664
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (*)	7.387.607.283	7.577.033.115
Sửa chữa 780 Nguyễn Kiệm	71.800.115	194.886.023
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.012.917	1.041.600
Cộng	9.504.712.573	8.158.492.100

(*) Thuê 20.606 m² đất tại KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055.

18. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	386.377.391	445.923.195
Công ty CP DV XBGD Gia Định	1.020.585.000	2.544.858.700
Công ty CP Sách Giáo Dục Thành phố Hồ Chí Minh	212.377.689	27.717.026
Các đối tượng khác	17.363.278.535	13.347.453.253
Cộng	18.982.618.615	16.365.952.174

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư	386.377.391	445.923.195
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	212.377.689	27.717.026
Chi nhánh NXB GD tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	-	582.800
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư	15.406.565	45.785.780
Công ty CP DV XBGD Gia Định	Chung công ty đầu tư	1.020.585.000	2.544.858.700
Công ty CP Sách - TBGD Miền nam	Chung công ty đầu tư	-	274.177.439
Công ty CP ĐT & PT GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư	73.520.770	4.174.320

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Còn phải nộp	Nộp thừa			Còn phải nộp	Nộp thừa
Thuế GTGT	223.092.212	-	2.304.097.784	2.188.382.784	338.807.212	-
Thuế nhập khẩu	-	-	6.744.559	6.744.559	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	235.373.155	1.519.374.694	1.395.807.452	-	111.805.913
Thuế thu nhập cá nhân	113.282.232	-	1.082.969.339	972.791.904	223.459.667	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	17.509.600	4.459.670.613	4.442.161.013	-	-
Các loại thuế khác	-	-	9.000.000	9.000.000	-	-
Cộng	336.374.444	252.882.755	9.381.856.989	9.014.887.712	562.266.879	111.805.913

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chiết khấu thanh toán nhanh, hoa hồng môi giới	2.128.934.507	1.746.525.444
Các khoản khác	349.302.200	70.000.000
Cộng	2.478.236.707	1.816.525.444

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
Cổ tức phải trả	46.967.557	30.717.557
Thù lao hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	431.000.000	240.800.000
Cộng	477.967.557	271.517.557

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2016	56.655.300.000	13.761.696.224	5.082.480.590	17.893.331.260	7.611.506.820
Tăng trong kỳ	-	-	650.292.872	650.292.872	13.356.063.761
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	12.307.414.827
Số dư tại 31/12/2016	56.655.300.000	13.761.696.224	5.732.773.462	18.543.624.132	8.660.155.754
Số dư tại 01/01/2017	56.655.300.000	13.761.696.224	5.732.773.462	18.543.624.132	8.660.155.754
Tăng trong kỳ	-	-	743.552.500	3.044.545.995	13.576.083.239
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	14.871.049.993
Số dư tại 31/12/2017	56.655.300.000	13.761.696.224	6.476.325.962	21.588.170.127	7.365.189.000

b. Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.665.530	5.665.530
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu phổ thông	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu phổ thông	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	8.660.155.754	7.611.506.820
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	13.576.083.239	13.356.063.761
Phân phối lợi nhuận	14.871.049.993	12.307.414.827
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	8.018.797.215	7.365.189.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	265.118.189	-
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn	64.748.338	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	258.993.350	-
- Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	64.748.338	-
- Chia cổ tức	7.365.189.000	7.365.189.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	6.852.252.778	4.942.225.827
- Trích quỹ đầu tư phát triển	2.779.427.806	650.292.872
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn	678.804.162	650.292.872
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.715.216.648	2.991.347.211
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	678.804.162	650.292.872
- Chia cổ tức	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	7.365.189.000	8.660.155.754

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ_17 ngày 08/04/2017. Tạm phân phối lợi nhuận năm 2017 và lợi nhuận còn lại các năm trước theo Nghị quyết 01/NQHĐQT/2018 ngày 08/01/2018 của Hội đồng quản trị.

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ/ĐHĐCĐ_17 ngày 08/04/2017 đã quyết định chi trả cổ tức năm 2016 với tỷ lệ 13%, tương ứng 7.365.189.000 đồng. Công ty đã chi trả số cổ tức này trong năm 2017.

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại

	31/12/2017	01/01/2017
Ngoại tệ (USD)	499,62	501,27

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số tiền	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty Viên Khang	58.916.000	Không còn khả năng thu hồi
Công ty Phúc Cường	21.000.000	Không còn khả năng thu hồi
Nhà sách Tân Sơn Nhì	18.497.740	Không còn khả năng thu hồi
Công ty TNHH TM & DV Hùng Phát Đạt	16.000.000	Không còn khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	238.623.938	Không còn khả năng thu hồi

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu bán sách và sản phẩm in	175.721.363.294	159.358.202.048
Doanh thu thiết bị giáo dục	175.147.338.439	158.778.474.146
Doanh thu khác	4.584.515.994	2.448.712.828
Cộng	355.453.217.727	320.585.389.022

25. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017	Năm 2016
Hàng bán bị trả lại	3.597.807.073	4.170.828.623
Cộng	3.597.807.073	4.170.828.623

26. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn sách và sản phẩm in	153.984.973.533	137.606.530.207
Giá vốn thiết bị giáo dục	114.704.624.808	109.193.295.913
Giá vốn khác	3.589.682.723	1.892.258.214
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	790.686.129	333.488.444
Cộng	273.069.967.193	249.025.572.778

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	144.365.219	235.775.349
Cổ tức, lợi nhuận được chia	445.200.000	196.800.000
Chiết khấu thanh toán nhận được	294.525.593	250.452.265
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	67.645	23.023
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	199.022
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư	-	600.073
Cộng	884.158.457	683.849.732

28. Chi phí tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền vay	783.864.258	1.719.230.820
Chiết khấu thanh toán nhanh	1.305.739.728	1.672.090.456
Lỗ chuyển nhượng khoản đầu tư	-	520.073
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	29.815	71.753
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	65.308	-
Cộng	2.089.699.109	3.391.913.102

29. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2017	Năm 2016
Tiền lương, các khoản trích theo lương	21.123.982.302	17.445.449.277
Khấu hao TSCĐ	347.736.762	284.951.336
Chi phí vận chuyển	2.712.839.179	2.340.352.795
Tiền thuê đất	1.814.138.076	1.953.431.892
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	6.905.373.195	4.442.304.370
Các khoản khác	1.900.917.754	1.806.096.208
Cộng	34.804.987.268	28.272.585.878

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2017	Năm 2016
Tiền lương, trích theo lương	14.437.453.098	11.914.793.639
Khấu hao TSCĐ	911.123.474	801.971.998
Thù lao HĐQT	786.000.000	652.000.000
Tiền thuê đất	1.695.650.416	2.179.451.868
Các khoản khác	9.572.497.184	6.004.950.305
Cộng	27.402.724.172	21.553.167.810

30. Thu nhập khác

	Năm 2017	Năm 2016
Thu nhập thanh lý tài sản cố định	-	20.000.000
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	107.589.430	59.813.595
Thanh lý công cụ hư hỏng	21.596.364	615.273
Các khoản khác	20.151.349	88.934.164
Cộng	149.337.143	169.363.032

31. Chi phí khác

	Năm 2017	Năm 2016
Giá trị còn lại của TSCĐ đập bỏ	425.772.415	-
Xử lý chênh lệch hàng thiếu qua kiểm kê	-	131.838.758
Các khoản khác	298.164	2.563.646
Cộng	426.070.579	134.402.404

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017	Năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.095.457.933	14.890.131.191
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	19.884.414.949	15.403.184.683
- Hoạt động không được ưu đãi	(4.788.957.016)	(513.053.492)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	98.289.005	374.379.104
Điều chỉnh tăng	543.489.005	571.378.126
- Chi phí không được trừ	543.423.697	571.378.126
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư tiền gửi	65.308	-
Điều chỉnh giảm	445.200.000	196.999.022
- Cổ tức lợi nhuận được chia	445.200.000	196.800.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư tiền gửi	-	199.022
Tổng thu nhập chịu thuế	15.193.746.938	15.264.510.295
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	15.193.746.938	15.264.510.295
- Hoạt động không được ưu đãi	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.519.374.694	1.526.451.030
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa (10%)	1.519.374.694	1.526.451.030
- Hoạt động không được ưu đãi	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.519.374.694	1.534.067.430
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	1.519.374.694	1.526.451.030
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	7.616.400

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.863.447.461	44.862.106.722
Chi phí nhân công	42.706.770.665	35.078.169.713
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.624.817.998	3.402.924.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.212.293.980	17.490.240.444
Chi phí khác bằng tiền	6.840.266.847	5.307.925.738
Cộng	123.247.596.951	106.141.366.827

34. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Công ty duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	31/12/2017	01/01/2017
	USD	USD
Tài sản tài chính (tiền gửi ngân hàng)	499,62	501,27

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng, khách hàng lẻ mua tại cửa hàng phải thanh toán khi nhận hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	18.982.618.615	-	18.982.618.615
Chi phí phải trả	2.478.236.707	-	2.478.236.707
Phải trả khác	477.967.557	-	477.967.557
Cộng	21.938.822.879	-	21.938.822.879
01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	16.365.952.174	-	16.365.952.174
Chi phí phải trả	1.816.525.444	-	1.816.525.444
Vay và nợ thuê tài chính	9.547.000.000	-	9.547.000.000
Phải trả khác	271.517.557	-	271.517.557
Cộng	28.000.995.175	-	28.000.995.175

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.777.167.454	-	12.777.167.454
Phải thu khách hàng	33.124.852.983	-	33.124.852.983
Đầu tư tài chính	-	490.000.000	490.000.000
Phải thu khác	59.151.615	11.000.000	70.151.615
Cộng	45.961.172.052	501.000.000	46.462.172.052
01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.561.415.700	-	12.561.415.700
Phải thu khách hàng	31.979.610.345	-	31.979.610.345
Phải thu về cho vay	-	36.256.950	36.256.950
Đầu tư tài chính	-	490.000.000	490.000.000
Phải thu khác	109.507.089	-	109.507.089
Cộng	44.650.533.134	526.256.950	45.176.790.084

35. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 31/12/2017, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 2490/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 24/03/2016 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m² đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm; Thời gian thuê: 50 năm;

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTĐ/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.606 m² đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m² đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc – nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m² đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho hàng và cửa hàng kinh doanh; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.423 m² đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 08/01/2018 Hội đồng quản trị có Nghị quyết số 01/NQHĐQT_2018 về việc tạm ứng cổ tức năm 2017 bằng tiền với tỷ lệ 13%. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 18/01/2018, thực hiện tạm ứng cổ tức từ ngày 09/02/2018.

Ngoài ra, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

37. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

<u>Công ty liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Nhà XBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TB Bình Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh GD	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Giáo Dục An Đông	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	Nội dung	Năm 2017	Năm 2016
Mua hàng			
NXBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	phí quản lý, tem	15.820.800	13.799.100
Công ty CP Sách TB GDMiền Nam	Cung ứng SGK, STK, bìa bao	84.955.711.065	77.244.930.930
Công ty CP Sách GD TP HCM	Cung ứng STK	466.080.927	666.135.416
Công ty CP Học Liệu	Cung ứng băng đĩa GD	87.360.000	153.748.000
Công ty ĐT và PT GD Phương Nam	Cung ứng sách, VHP	45.251.697.917	44.244.231.580
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh GD	Bàn đồ	4.583.898.229	3.727.227.778
Công ty CP Sách TB GD Miền Trung	Mua sách	1.683.500	4.895.761.600
Công ty CP Sách Dân Tộc	Cung ứng STK	312.809.985	268.007.120
Công ty CP DV XB GD Gia Định	Cung ứng STK	-	119.830.000
Công ty CP ĐT & PT GD Hà Nội	Cung ứng STK	12.970.192.670	2.226.590
Bán hàng			
Công ty Sách Thiết Bị GD Miền Nam	Thiết bị, ấn phẩm	13.635.015.605	9.151.508.192
Công ty CP Sách GD tại TP HCM	Sách	2.468.064.741	1.540.903.572
Công ty CP Học Liệu	Thiết bị	257.626.892	1.773.646.374
Công ty ĐT và PT GD Phương Nam	Sách, thiết bị	14.238.430.777	6.251.764.844
Công ty CP Giáo Dục An Đông	Sách, TB, thuê mặt bằng	4.017.020.101	2.282.172.578
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Sách, dịch vụ	261.902.052	198.887.940
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	Sách, thiết bị	1.773.339.441	1.993.147.699
Công ty CP Sách TB GD Miền Trung	Sách, thiết bị	2.611.011.724	2.625.334.150
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh GD	Thiết bị	5.764.829.452	7.310.068.451
Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt			
Hội đồng quản trị	Thù lao	595.800.000	758.706.472
Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập	1.978.679.900	2.128.799.700

38. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại thuyết minh số 5.



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2018